

Số: 203/2024/NQ – HĐQTCD

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐỐT ĐỒNG NAI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;
- Căn cứ Biên bản họp số: 201/2024/BB-HĐQTCD ngày 25/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (nội dung chi tiết theo Quy chế đính kèm).

**Điều 2:** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thư ký HĐQT;
- Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hoa



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐỐT ĐỒNG NAI**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 203/2024/NQ-HĐQTCD ngày 25/03/2024*  
*của Hội đồng quản trị công ty)*



*Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2024*

- MỤC LỤC -

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	2
Điều 1. Mục đích.....	2
Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 3. Tài liệu tham chiếu.....	2
Điều 4. Định nghĩa và thuật ngữ.....	3
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	5
Điều 6. Người công bố thông tin.....	6
Điều 7. Phương tiện và hình thức thực hiện báo cáo, công bố thông tin.....	6
Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin.....	7
<b>Chương II. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	8
Điều 9. Lưu đồ quy trình công bố thông tin.....	8
Điều 10. Mô tả Quy trình công bố thông tin.....	9
<b>Chương III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	10
Điều 11. Trách nhiệm phối hợp.....	10
Điều 12. Điều khoản thi hành.....	11
<b>PHỤ LỤC 1. DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ</b> .....	12
<b>PHỤ LỤC 2. DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ BẤT THƯỜNG, THÔNG TIN THEO YÊU CẦU VÀ THÔNG TIN CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</b> .....	14

3600  
CƠ  
CỐ  
ATL  
VÀ C  
Đ  
NHK

# CHƯƠNG I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Mục đích

- 1.1. Quy chế công bố thông tin được ban hành với mục đích quy định thống nhất về hoạt động công bố thông tin của Công ty đến các cơ quan quản lý, đáp ứng các quy định của pháp luật, chuẩn mực công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, công khai và minh bạch các thông tin công bố.
- 1.2. Hệ thống hóa các nội dung liên quan đến việc công bố thông tin, đồng thời quy định trách nhiệm, công tác phối hợp giữa các cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tượng khác có liên quan trong việc thực hiện công bố thông tin, đảm bảo việc công bố thông tin tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

### Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

#### 2.1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung gửi báo cáo, công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định phối hợp công việc và trách nhiệm của các cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tượng khác có liên quan trong việc thực hiện công bố thông tin.

#### 2.2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các đối tượng sau:

- a. Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty.
- b. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.
- c. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- d. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;
- f. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định.

### Điều 3. Tài liệu tham chiếu

- 3.1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung;
- 3.2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

013  
GT  
HÀ  
XÃ  
LÀT  
NGN  
A-T

- 3.3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- 3.4. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- 3.5. Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo quyết định số 606/QĐ-SGDCKHN ngày 29 tháng 09 năm 2016;
- 3.6. Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- 3.7. Các Văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
- 3.8. Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị nội bộ và các quy chế/quy định nội bộ khác của Công ty.

**Lưu ý:** Trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc người có thẩm quyền của Công ty ban hành văn bản mới hủy bỏ, thay thế hoặc sửa đổi/bổ sung nội dung các văn bản tham chiếu tương ứng tại danh mục Tài liệu tham chiếu nêu tại Điều này thì việc áp dụng Quy chế này sẽ đương nhiên căn cứ vào các văn bản mới có hiệu lực đó (trừ trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền/Công ty có quy định khác).

#### **Điều 4. Định nghĩa và thuật ngữ**

- 4.1. Trong Quy chế này, trừ khi được quy định khác đi, các từ và thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. **Luật Doanh nghiệp:** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
  - b. **Luật Chứng khoán:** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - c. **Điều lệ Công ty:** là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua một cách hợp lệ;
  - d. **Quy chế:** là Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;
  - e. **SGDCK:** là Sở Giao dịch Chứng khoán
  - g. **VSDC:** là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
  - h. **UBCKNN:** là Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
  - i. **Công ty/BMF:** là Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;
  - j. **Đại hội đồng cổ đông/ĐHĐCĐ:** có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
  - k. **Hội đồng quản trị/HĐQT:** là Hội đồng quản trị của Công ty;

- l. **Ban kiểm soát/BKS:** là Ban kiểm soát của Công ty;
- m. **Ban Giám đốc/Ban điều hành:** gồm Giám đốc và (các) Phó Giám đốc Công ty;
- n. **CBTT:** là công bố thông tin;
- o. **Người nội bộ:** là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
  - Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát; Thành viên Ban kiểm toán nội bộ (nếu có);
  - Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.
- p. **Người công bố thông tin:** là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin.
- q. **Người có liên quan:** là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán trong các trường hợp sau:
- Công ty và người nội bộ của Công ty;
  - Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
  - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
  - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
  - Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
  - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
  - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- r. **Cổ đông lớn:** là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- s. **Ngày công bố thông tin:** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 7 Quy chế này.
- t. **Ngày báo cáo về việc công bố thông tin:** là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của

UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin, tùy theo thời điểm nào đến trước.

- u. **Tài liệu công bố thông tin:** là tất cả các giấy tờ, văn bản được sử dụng trong việc công bố thông tin theo Quy chế này và quy định của pháp luật.
  - v. **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận:** là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
- 4.2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

#### **Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin**

- 5.1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định pháp luật.
- 5.2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- 5.3. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
- 5.4. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và/hoặc dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số và thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
- 5.5. Việc công bố thông tin của Công ty phải do Người đại diện pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.
- 5.6. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể đó đồng ý.
- 5.7. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:
  - Thông tin công bố định kỳ: phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm.
  - Thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm.

5.8. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày Lễ theo quy định của pháp luật, thì Công ty vẫn phải thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin khác vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày Lễ.

#### **Điều 6. Người công bố thông tin**

6.1. Công ty thực hiện việc công bố thông tin thông qua Người đại diện pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin.

6.2. Người đại diện pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

6.3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24h kể từ khi việc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người công bố thông tin bao gồm: Giấy uỷ quyền công bố thông tin, bản cung cấp thông tin cá nhân theo mẫu quy định.

6.4. Quyền hạn và trách nhiệm của người công bố thông tin.

- Đại diện cho Công ty trong việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật và Quy chế này.
- Yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn.
- Trực tiếp tổng hợp thông tin, lập báo cáo theo đúng quy định.
- Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin; sửa đổi, bổ sung Quy chế này.
- Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Công ty.

#### **Điều 7. Phương tiện và hình thức thực hiện báo cáo, công bố thông tin**

7.1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin:

- Địa chỉ trang thông tin điện tử (website) chính thức để CBTT của Công ty là: <https://www.chatdotdongnai.com>
- Hệ thống email của Công ty: Địa chỉ email chính thức của Công ty sử dụng để gửi Tài liệu CBTT bằng dữ liệu điện tử đến cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc để nhận các thông báo, xác nhận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền là: [phong.tochuc@chatdotdongnai.com](mailto:phong.tochuc@chatdotdongnai.com).
- Công ty sử dụng trang thông tin điện tử (website) của Công ty làm công thông tin chính thức để công bố mọi thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Trường hợp thay đổi trang thông tin điện tử, Công ty phải báo cáo UBCKNN và SGDCK, đồng thời phải công khai trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn (03) ba ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc thay đổi. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin,



đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các thông tin trên trang thông tin điện tử đó. Trang thông tin điện tử của Công ty phải có các nội dung:

- + Ngành nghề kinh doanh.
- + Các nội dung phải thông báo công khai về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các thay đổi (nếu có).
- + Chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu của UBCKNN và SGDCCK.
- Việc báo cáo, công bố thông tin được thực hiện qua một, một số hoặc toàn bộ các phương tiện sau:
  - + Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
  - + Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
  - + Trang thông tin điện tử của SGDCCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCCK;
  - + Trang thông tin điện tử của VSDC.
  - + Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).

## 7.2. Hình thức báo cáo, công bố thông tin

Thông tin công bố được thể hiện dưới hình thức Văn bản giấy và/hoặc Văn bản/dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo yêu cầu và quy định của UBCKNN, SGDCCK, VSDC tại từng thời kỳ.

- Văn bản giấy là bản in ra giấy, có chữ ký của Người CBTT và được đóng dấu của Công ty;
- Văn bản/dữ liệu điện tử được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu. Các văn bản điện tử có sử dụng chứng thực số để ký trước khi đính kèm vào thư điện tử có giá trị thay thế cho Văn bản giấy.

## Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

- 8.1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
- 8.2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

**Chương II**  
**QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 9. Lưu đồ quy trình công bố thông tin**

Bước	Nội dung	Thực hiện
Bước đầu	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">THÔNG TIN CÔNG BỐ</div>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng có phát sinh thông tin phải công bố.</li> <li>- Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT.</li> </ul>
Bước 1	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 10px; width: fit-content; margin: 0 auto;">TIẾP NHẬN YÊU CẦU CÔNG BỐ THÔNG TIN</div>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT.</li> <li>- Lãnh đạo phụ trách bộ phận chuyên môn nghiệp vụ có thông tin công bố.</li> </ul>
Bước 2	<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; transform: rotate(45deg);"></div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">XỬ LÝ/ PHÊ DUYỆT THÔNG TIN</div>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo phụ trách bộ phận chuyên môn nghiệp vụ có thông tin công bố.</li> <li>- Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT.</li> <li>- Cấp có thẩm quyền.</li> </ul>
Bước 3	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 15px; padding: 10px; width: fit-content; margin: 0 auto;">GỬI/CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG BỐ</div>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT.</li> </ul>
Bước 4	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 10px; width: fit-content; margin: 0 auto;">KIỂM TRA, NHẬN PHẢN HỒI</div>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT.</li> <li>- Lãnh đạo phụ trách bộ phận chuyên môn nghiệp vụ có thông tin công bố.</li> <li>- Cấp có thẩm quyền.</li> </ul>
Bước 5	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">BẢO QUẢN, LƯU GIỮ THÔNG TIN</div>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT.</li> <li>- Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ có thông tin công bố và văn thư lưu trữ.</li> </ul>

91  
 G  
 H  
 X  
 A  
 T  
 A  
 N  
 G

## **Điều 10. Mô tả Quy trình công bố thông tin**

### **Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu công bố thông tin**

- a. Thông tin định kỳ đã được xác lập về thời gian và giao cho từng cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty cụ thể có trách nhiệm xử lý thông tin (*Danh mục thông tin công bố định kỳ tại Phụ lục 1*);
- b. Việc tiếp nhận từng loại thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu, thông tin về các hoạt động khác phải công bố phải được giao cụ thể cho từng đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận, cung cấp. Khi có thông tin đến, bất cứ cá nhân, đơn vị nào tiếp nhận cũng phải được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm, Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT tiếp nhận để xử lý chuyển tiếp (*Danh mục thông tin công bố bất thường, thông tin theo yêu cầu, thông tin về các hoạt động khác tại Phụ lục 2*).

### **Bước 2: Xử lý, phê duyệt thông tin**

- a. Xử lý thông tin là quá trình tạo ra thông tin để công bố.
- b. Các cá nhân, đơn vị được giao trách nhiệm xử lý thông tin có quyền yêu cầu các cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc trong nội bộ Công ty, hoặc các đối tượng liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.
- c. Thông tin sau khi xử lý phải được người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.
- d. Thông tin phải có định dạng sau:
  - Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật; Văn bản công bố theo mẫu trong các quy định và hướng dẫn của Luật Chứng khoán, UBCKNN, SGDCK, VSDC.
  - File dữ liệu điện tử:
    - + File có định dạng DOC và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;
    - + File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ ký và dấu đỏ hợp lệ của Công ty.

### **Bước 3: Gửi thông tin công bố**

- a. Sau khi đã được xử lý và phê duyệt, thông tin cần công bố được chuyển đến Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT.
- b. Thông tin văn bản được gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại trụ sở UBCKNN, SGDCK, VSDC, đồng thời gửi thông tin dưới dạng file điện tử cho UBCKNN, SGDCK, VSDC theo các hình thức theo quy định. Trong trường hợp khẩn cấp, thông tin văn bản có thể gửi qua fax và đồng thời gửi bản chính cho UBCKNN, SGDCK, VSDC.
- c. Bộ phận Công nghệ thông tin của Công ty đăng thông tin trên trang thông tin điện

từ của Công ty tại chuyên mục “Quan hệ cổ đông”. Trong chuyên mục “Quan hệ cổ đông” có các tiểu mục được quy định cho từng loại thông tin cụ thể.

#### **Bước 4: Kiểm tra, nhận phản hồi**

- a. Đơn vị xử lý thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố, thì phải báo cáo cho Người công bố thông tin/Người được ủy quyền công bố thông tin, đơn vị có trách nhiệm.
- b. Trường hợp bên nhận thông tin do Công ty công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đơn vị có trách nhiệm xử lý báo cáo Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin.

#### **Bước 5: Bảo quản và lưu giữ thông tin**

- a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu (10) mười năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là (05) năm năm.
- b. Các thông tin bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác của Công ty phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là (05) năm năm.
- c. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu giữ tại Văn phòng tổng hợp và đơn vị xử lý thông tin.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT và các cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác**

- 11.1 Các cá nhân, phòng ban và đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác có trách nhiệm phối hợp Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT đảm bảo việc CBTT được kịp thời, chính xác, đầy đủ, tuân thủ quy định của pháp luật về CBTT.
- 11.2 Đối với các thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các cá nhân, phòng ban và đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác (có phát sinh thông tin và đơn vị xử lý thông tin cần công bố) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT trong vòng **12 giờ** kể từ khi phát sinh sự kiện cần CBTT và không muộn hơn **15 giờ** trong ngày cuối cùng phải CBTT.

11.3 Trong phạm vi chức năng của mình, Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các cá nhân, phòng ban và đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác cung cấp. Trường các đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người CBTT.

11.4 Người CBTT giám sát việc CBTT và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

## **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này bao gồm 02 chương và 12 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Các cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tượng khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện đúng Quy chế này. Trường hợp có vi phạm các quy định pháp luật hiện hành hoặc quy định của Quy chế này gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc căn cứ vào mức độ vi phạm để xử lý theo các quy định nội bộ của Công ty.
3. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT của Công ty nhưng chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định, sau khi được Hội đồng quản trị công ty thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**




**CHỦ TỊCH**




**Nguyễn Thanh Hoa**

## PHỤ LỤC 1. DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ


STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	GHI CHÚ
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính (BCTC) năm đã được kiểm toán và</li> <li>- Văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính</li> </ul>	<p>Trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo, nhưng không được vượt quá <b>90 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp</p>
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét kèm theo kết luận soát xét và</li> <li>- Văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần</li> </ul>	<p>Trong thời hạn <b>05 ngày</b>, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá <b>45 ngày</b>, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.</p>	
3	Báo cáo tài chính quý	<p>Trong thời hạn <b>20 ngày</b> kể từ ngày kết thúc quý</p>	
4.1	<p><b><i>Báo cáo giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.</li> <li>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.</li> <li>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</li> </ul>	<p><b>Cùng thời điểm</b> khi công bố báo cáo tài chính nêu tại mục 1, 2 và 3 Phụ lục này.</p>	
4.2	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)		




5	Báo cáo thường niên.	Trong thời hạn <b>20 ngày</b> kể từ ngày công bố BCTC năm đã được kiểm toán nhưng không được vượt quá <b>110 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	 Mẫu 1.doc
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên kèm bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty.	Chậm nhất <b>30 ngày</b> kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch.	 Mẫu 2.doc
7	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm kèm bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty.	Chậm nhất <b>30 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	 Mẫu 2a.doc
8	Công bố thông tin (CBTT) về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ.	Tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng (ĐKCC).	
9	Tài liệu họp ĐHĐCĐ - Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. - Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).	Tối thiểu <b>21 ngày</b> trước ngày họp ĐHĐCĐ.	
10	Biên bản họp, Nghị quyết, tài liệu thông qua tại cuộc họp.	Trong thời hạn <b>24h</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết, Biên bản họp.	
11	Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, CBTT phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết và các tài liệu kèm theo. Đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.	Chậm nhất <b>10 ngày</b> trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	



12	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch.	Chậm nhất là <b>ngày 30/07</b> , căn cứ vào DSCĐ chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06.	 Mẫu 3.docx
13	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch.	Chậm nhất là <b>ngày 30/01</b> , căn cứ vào DSCĐ chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12.	





**PHỤ LỤC 2. DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ BẤT THƯỜNG, THÔNG TIN THEO YÊU CẦU VÀ THÔNG TIN CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	GHI CHÚ
I	<b>DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ BẤT THƯỜNG</b>		 Mẫu 9.docx
1	- Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong toả theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán. - Tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong toả.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
2	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp do có sự thay đổi của quy định pháp luật).	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
3	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán sau khi đã ký hợp đồng hoặc huỷ hợp đồng kiểm toán đã ký.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
4	Kết quả điều chỉnh hội tổ BCTC (nếu có).	Trong thời hạn <b>như quy định tại Mục 1, 2 và 3 Điều 8 Quy chế này</b>	
5	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn <b>như quy định tại Mục 1, 2 và 3 Điều 8 Quy chế này</b>	
6	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	



7	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
8	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
9	Thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động. - Mẫu CBTT: Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK Việt Nam	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi nhận được	 Mẫu 4.docx
10	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
11	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
12	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
13	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
14	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toán án liên quan đến hoạt động của công ty.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
15	Khi nhận được thông báo của toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
16	Quyết định về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. - Gửi cho UBCKNN, SGDCKHN bản cứng bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có). - Mẫu CBTT: Phụ lục I Quy chế CBTT của SGDCK Việt Nam và Phụ lục III của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020. Kèm theo quyết định về việc thay đổi nhân sự. - Liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	 Mẫu 5.docx  Mẫu 6.docx





	<p>người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người có liên quan có sở hữu và không sở hữu cổ phiếu) tại Mục 16 mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</p> <p>- Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, Công ty ghi chú tại trường số 17 Mục 16 Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ghi rõ “người liên quan không cung cấp thông tin”.</p>		 mẫu 10.docx
17	Nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (lưu ý cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
18	<p>Trường hợp có phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp.</p> <p>Mẫu CBTT: Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK Việt Nam</p>	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực	 Mẫu 7.docx
19	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
20	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
21	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định của pháp luật.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
22	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
23	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
24	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	

25	<p>Trường hợp Công ty thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp (<i>trường hợp tham gia góp vốn thành lập, mua để tặng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết</i>) thì ngoài việc BMF CBTT theo quy định, BMF thực hiện thông báo theo mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế CBTT của Sở GDCK VN.</p>	<p>Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	 Mẫu 8.docx
26	<p>Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng.</p>	<p>Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
27	<p>Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết theo Mẫu Phụ lục V Quy chế CBTT của Sở GDCK Việt Nam. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định của pháp luật về phát hành chứng khoán.</li> <li>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định của pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.</li> </ul>	<p>Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	 Mẫu 11.docx
28	<p>Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.</p>	<p>Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
29	<p>Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.</p>	<p>Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
30	<p>Đối với các sự kiện có liên quan cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền.</p>	

31	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
32	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông	Trong thời hạn <b>10 ngày đầu tiên của tháng</b> trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin	
33	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
34	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
35	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
36	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
<b>II</b>	<b>DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ THEO YÊU CẦU CỦA UBCKNN VÀ SGDCCKHN</b>		
1	Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi nhận được yêu cầu.	Nêu rõ sự kiện được yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực, giải pháp khắc phục (nếu có)
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.		

<b>III</b>	<b>DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>		
1	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Theo quy định của pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	
2	Trường hợp mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%	Thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn <b>15 ngày</b> kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	
3	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định của pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	
4	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ này.	Theo quy định của pháp luật hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCKVN.	
<b>IV</b>	<b>DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU</b>		
1	Thực hiện CBTT, báo cáo UBCKNN, SGDCKHN, VSDC về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ: Chậm nhất <b>20 ngày</b> trước ngày Đăng ký cuối cùng dự kiến.</li> <li>- Thực hiện các quyền</li> </ul>	

		khác: Tối thiểu <b>10 ngày</b> trước ngày ĐKCC cùng dự kiến.	
2	Trường hợp huỷ nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, công ty phải CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do huỷ.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi ra thông báo, nhưng chậm nhất là <b>05 ngày làm việc</b> trước ngày Đăng ký cuối cùng.	Theo quy định tại Quy chế CBTT của SGDCK
<b>V</b>	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN</b>		
1	Kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn: Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho công ty, UBCKNN, SGDCKHN	Trong thời hạn <b>05 ngày làm việc</b>	 Mẫu 12.doc
2	Kể từ ngày có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1%: Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty phải CBTT và báo cáo cho công ty, UBCKNN, SGDCKHN.	Trong thời hạn <b>05 ngày làm việc</b>	 Mẫu 13.doc
3	<p><b>Lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định này cũng áp dụng trong trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.</li> <li>- Không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do BMF mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc BMF phát hành thêm cổ phiếu.</li> </ul> <p>Thời điểm bắt đầu hoặc kết thúc việc nắm giữ theo quy định này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.</p>		
4	Công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của công ty sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng quy định nêu tại mục V.1, V.2.	Trong vòng <b>03 ngày làm việc</b>	

5	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin		Theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn
<b>VI</b>	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ</b>		
1	Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này phải CBTT và báo cáo cho công ty, UBCKNN, SGDCKHN trước và sau khi thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của BMF, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (ví dụ các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu...), cụ thể:		
a	Trước khi thực hiện giao dịch: Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ phải CBTT và báo cáo cho công ty, UBCKNN, SGDCKHN về việc dự kiến giao dịch	Tối thiểu <b>03 ngày</b> làm việc trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch	 Mẫu 14.doc  Mẫu 15.doc
b	Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCKHN đã công bố thông tin và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCKHN	Thời gian thực hiện giao dịch không được quá <b>30 ngày</b> kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch	
c	Kể từ ngày hoàn tất giao dịch (đối với trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, Người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện hoặc thực hiện không hết khối lượng đăng ký (nếu có)	Trong thời gian <b>05 ngày</b> làm việc	 Mẫu 16.doc  Mẫu 17.doc



d	<p><b>Lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người nội bộ và những người có liên quan của các đối tượng này chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp sau khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.</li> </ul> <p>Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định mục VI.1.b Phụ lục này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai</p>		
2	Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là Người nội bộ hoặc người có liên quan của các đối tượng này, thì đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải CBTT và báo cáo như quy định tại Mục VI.1 Phụ lục này		
3	Trường hợp Người nội bộ hoặc những người có liên quan của Người nội bộ đồng thời là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ		
4	Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại Mục VI.1.a, b và d Phụ lục này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Công hoặc người có liên quan của các đối tượng này		
5	Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan		
6	Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của công ty kể từ khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ	Trong thời hạn <b>03 ngày</b> <b>làm việc</b>	

